TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG** Số: 445/2018/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *C, ngày 13 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 682/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn T, sinh năm 1983; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Tổ 2, khu phố 4, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Anh Nguyễn M, sinh năm 1986; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã G, huyện T, tỉnh An Giang; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Tổ 2, khu phố 4, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn T và anh Nguyễn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn T và anh Nguyễn M thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2015, quyển số 03 do Ủy ban nhân xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 08/9/2015 cho chị Nguyễn T và anh Nguyễn M không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn B, sinh ngày 18/7/2015 cho chị Nguyễn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Nguyễn T

không yêu cầu anh Nguyễn M cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn B.

Anh Nguyễn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn T, anh Nguyễn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn T phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình; anh Nguyễn M phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Chị Nguyễn T tự nguyện nộp thay cho anh Nguyễn M 75.000 đồng, tổng cộng số tiền chị Nguyễn T phải nộp là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0025726 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương. Chị Nguyễn T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Lê Cẩm Hằng